



GVHD: Lê Đình Quang Phúc

Lớp: 44K22.2

Nhóm: 9

Thành viên: Hoàng Thị Tuyết Trinh

Nguyễn Thị Minh Trang

Vỏ Thị Thanh Tịnh

Phan Quốc Tiệp

Đỗ Thị Trúc

Đỗ Thị Ngọc Trúc

Trần Nhật Trường

*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 1 năm 2021*

**BÀI TẬP**

**QUYỀN TỰ DO KINH DOANH**

-----🙞🙜🕮🙞🙜-----

**KHOA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Quyền tự do kinh doanh là gì? Quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh?

1. **QUYỀN TỰ DO KINH DOANH LÀ GÌ**:

Quyền tự do kinh doanh lần đầu tiên được ghi nhận chính thức tại điều 57, Hiến pháp 1992. Kế thừa tinh thần đó, điều 33 hiến pháp 2013 khẳng định người dân có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Cụ thể hóa luật doanh nghiệp 2014 và luật đầu tư 2014 khẳng định “doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm” và “nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm”.

Quyền tự do kinh doanh thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh được chi tiết trong luật đầu tư 2014 như: nhà đầu tư được tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của luật đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; được tiếp cận, sử dụng các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ, sử dụng đất đai và tài nguyên khác theo quy định của pháp luật. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư.

1. **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TỰ DO KNH DOANH:**

Cũng như các quyền khác, quyền tự do kinh doanh có nội dung rất cụ thể. Nội dung của quyền này không bất biến mà luôn có sự bổ sung theo hướng ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn do sự hoàn thiện không ngừng của các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của nước ta. Tuy nhiên, nội dung quyền tự do kinh doanh cơ bản bao gồm: (1) quyền tự do thành lập doanh nghiệp, (2) quyền tự do lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh (đối tượng kinh doanh), (3) quyền tự do giao kết hợp đồng, (4) quyền tự do quyết định các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, (5) quyền tự do cạnh tranh.

***Quyền tự do thành lập doanh nghiệp***.

Quyền tự do thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, là tiền đề thực hiện các quyền khác thuộc nội dung của quyền tự do kinh doanh. Các hoạt động kinh doanh chỉ có thể được tiến hành khi các chủ thể kinh doanh xác lập tư cách pháp lý. Với quyền tự do thành lập doanh nghiệp, các nhà đầu tư có khả năng quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh và linh vực, ngành nghề kinh doanh thích hợp để tiến hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao.

Khoản 1, Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam trừ bảy trường hợp được quy định tại Khoản 2, Điều 17. Theo đó, các đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp bao gồm:

“a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.”

Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020 đã bổ sung các nhóm đối tượng sau đây không được thành lập và quản lý doanh nghiệp: công nhân công an; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người đang bị tạm giam; tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về cơ bản, việc bổ sung các nhóm đối tượng trên vào diện không được thành lập và quản lý doanh nghiệp là để tương thích với các liên quan như Luật Phòng, chống tham nhũng, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự. Dù vậy, để xác định các nhóm đối tượng trên thì cần phải có căn cứ theo quy định của pháp luật, chẳng hạn như người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải có quyết định tuyên bố của Tòa án; pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh thì cũng phải thuộc trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội và có bản án có hiệu lực của Tòa án.

Quy định về quyền tự do thành lập doanh nghiệp tại Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho những đối tượng có quyền thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh với nhiều loại ngành nghề kinh doanh, nhiều mô hình tổ chức kinh doanh để các nhà đầu tư lựa chọn.

Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định đa dạng các phương thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để các chủ thể có thể lựa chọn. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh, hiện nay, khi đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ theo một trong hai phương thức là nộp trực tiếp và nộp qua mạng thông tin điện tử. Trên thực tế, tại nhiều địa phương, một số cơ quan đăng ký kinh doanh cũng đã thực hiện việc trả kết quả qua bưu điện. Theo Điều 26 Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chính thức ghi nhận các phương thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, gồm: đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh; đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính và đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử. Việc ghi nhận đa dạng các phương thức nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là sự tiến bộ đáng ghi nhận, là tiền đề thực hiện cải cách thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp khi Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực, hướng đến sự thuận lợi về khởi sự kinh doanh cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

***Quyền tự do lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh***.

Quyền tự do lựa chọn ngành nghề, linh vực kinh doanh được hiểu là việc cá nhân, tổ chức được quyền tự mình lựa chọn những ngành nghề mà mình muốn kinh doanh trong pháp vi ngành ngề mà pháp luật không, đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì việc kinh doanh được thực hiện sau khi đáp ứng đủ các điều kiện của ngành nghề đó.

Thứ nhất, về việc tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm. Khoản 1, Điều 7, Luật Doanh nghiệp 2020 quy định doanh nghiệp có quyền “tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” và trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay không cần phải ghi ngành nghề kinh doanh. Như vậy, ngoài danh mục ngành nghề cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật thì doanh nghiệp có thể lựa chọn bất cứ ngành nghề kinh doanh nào để kinh doanh mà không cần có sự cho phép của cơ quan đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, các danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh hiện nay cũng đã ít hơn rất nhiều so với giai đoạn trước kia. Luật Đầu tư 2020 đưa ra danh mục cấm đầu tư kinh doanh gồm có 08 ngành nghề, nhiều hơn Luật Đầu tư 2014 (06 ngành nghề) nhưng lại ít hơn Luật Đầu tư 2005 (12 ngành nghề).

Thứ hai, về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh các ngành nghề đó phải đáp ứng các điều kiện nhất định vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ cộng đồng. Các chủ thể kinh doanh sẽ được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện đó trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng dưới hình thức giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chửng chỉ hành nghề, các văn bản và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

***Quyền tự do hợp đồng***.

Khi tham gia vào hoạt động kinh doanh, các chủ thể có quyền tự do lựa chọn đối tượng khách hàng để giao kết hợp đồng, tự do đàm phán, ký kết và thoả thuận các điều khoản trong hợp đồng, tự do thoả thuận để thay đổi, đình chỉ hay huỷ bỏ thực hiện hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng, mọi sự can thiệp về mặt ý chí đối với các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng đều bị coi là bất hợp pháp và hợp đồng bị xem là vô hiệu. Tuy nhiên, sự tự do ý chí của các bên chủ thể của các bên khi giao kết hợp đồng “không được trái pháp luật, đạo đức xã hội”. Tức là sự thoả thuận của các bên trong hợp đồng không được trái với điều cấm của pháp luật và những chuẩn mực đã được xã hội thừa nhận rộng rãi.

***Quyền tự quyết định các vấn đề phát sinh trong linh vực sản xuất, kinh doanh.***

Khi tham gia vào hoạt động kinh doanh, chủ thể kinh doanh được quyền tự do lựa chọn mô hình kinh doanh cho mình từ việc quyết định về vốn đầu tư, chỉ cần mức vốn đó đáp ứng quy định về vốn pháp định tối thiểu nếu là kinh doanh một số ngành nghề đặc thù theo quy định. Bên cạnh đó, có thể quyết định điều chỉnh quy mô kinh doanh của mình thông qua việc huy động vốn.

Bên cạnh đó, các chủ thể kinh doanh được quyền tự lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, chỉ cần đảm bảo các quy định về loại hình đó như hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh hoặc trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

Các chủ thể kinh doanh có quyền tự do lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn thông qua việc chủ đầu tư quyết dịnh việc tăng vốn vay hay tăng vốn điều lệ; cách thức tăng vốn vay thông qua hợp đồng hay thông qua việc phát hành trái phiếu.

Việc tự do quyết định các vấn đề phát sinh trong linh vực sản xuất kinh doanh cũng được thể hiện qua việc các chủ thể được tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh. Dưới tác động của quy luật cạnh tranh và sự tự do hoá các hoạt động kinh tế, các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh là không tránh khỏi và pháp luật cho phép các chủ thể được tự do thoả thuận lựa chọn phương thực giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại hoặc giải quyết tranh chấp thông qua toà án.

***Quyền tự do cạnh tranh lành mạnh***.

Nền kinh tế Việt Nam với mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó chúng ta phải buộc tuân theo quy luật của nền kinh tế thị trường mà trong đó quy luật cạnh tranh là một thành tố không thể tách rời. Nội dung bảo đảm quyền tự do cạnh tranh chính là việc đảm bảo các điều kiện để canh tranh diễn ra lành mạnh và kiểm soát việc chống độc quyền trong kinh doanh. Các chủ thể kinh doanh được pháp luật bảo vệ nếu có hành vi cạnh tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.